

Số: 112/2025/QĐST-HNGĐ

Trần Biên, ngày 22 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tổ tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và Điều 131 Luật Hôn nhân
và Gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1181/2025/TLST-
VHNGĐ ngày 13 tháng 06 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly
hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Lê Thị Thanh T**, sinh năm: 1987

2. Ông **Trần Quốc T1**, sinh năm: 1985

Cùng địa chỉ: Tổ B, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay
là phường T, tỉnh Đồng Nai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 23 tháng 05 năm 2025, bà Lê Thị Thanh T và ông Trần Quốc T1 cùng
nộp đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản
khi ly hôn”. Quá trình vận động hòa giải, bà T và ông T1 thống nhất không hòa
giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai đã lập biên bản hòa giải đoàn
tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 14 tháng 07 năm 2025. Bà
T và Ông T1 hiện đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay thuộc khu V,
Đồng Nai); ông bà đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn
yêu cầu của bà T và ông T1 được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (nay là Tòa
án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai) thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp
luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Bà Lê Thị Thanh T và ông Trần Quốc T1 tự nguyện kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn được cấp số 103, quyển số I/2010 ngày 21/04/2010. Bà T và ông T1 có ba người con chung là cháu Trần Bảo T2, sinh ngày 23/10/2010, cháu Trần Thanh V, sinh ngày 11/11/2012 và cháu Trần Tuấn H, sinh ngày 10/03/2020. Ly hôn vợ chồng thống nhất: bà Lê Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Tuấn H đến tuổi trưởng thành và ông Trần Quốc T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Bảo T2 và cháu Trần Thanh V đến tuổi trưởng thành. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, bà T và ông T1 thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Bà T và ông T1 xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy, bà T và ông T1 thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của ông bà đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai chấp nhận đơn yêu cầu của bà T và ông T1.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Lê Thị Thanh T và ông Trần Quốc T1.

- Về con chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Trần Quốc T1 có ba người con chung là cháu Trần Bảo T2, sinh ngày 23/10/2010, cháu Trần Thanh V, sinh ngày 11/11/2012 và cháu Trần Tuấn H, sinh ngày 10/03/2020. Ly hôn vợ chồng thống nhất: bà Lê Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Tuấn H đến tuổi trưởng thành và ông Trần Quốc T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Bảo T2 và cháu Trần Thanh V đến tuổi trưởng thành. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà T và ông T1 có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Thanh T và ông Trần Quốc T1 mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007251 ngày 30/05/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai). Bà T ông T1 đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trần Nhân